

BÁO CÁO THỐNG KÊ CÁC TÀU LÀM HÀNG KHU VỰC CẨM PHẢ

NGÀY 04 THÁNG 9 NĂM 2026

[illegible]

CÔNG TY KHO VẬN VÀ CẢNG CẨM PHẢ - VINACOMIN

PHÒNG ĐKSX

BÁO CÁO THỐNG KÊ CÁC TÀU LÀM HÀNG KHU VỰC CẨM PHẢ

NGÀY 04 THÁNG 9 NĂM 2026

STT		Khách hàng	Ngày làm TB	Số TB	Ngày hết hạn TB	Tên phương tiện	Loại than	SL làm TB	SL thực rút	SL còn lại	Ngày xong	Mục đích sử dụng	
		Tàu dự kiến rút trong ngày						121 700	88 642	33 058			
1		ĐIỆN VINH TÂN 1	24/8	530/8		GOLDEN STAR	CÁM 6A.1	23 600	19 860	3 740	ĐỎ	HỘ LỚN	TTHG: 23.600
2		ĐIỆN VINH TÂN 2	20/8	526/8		HẢI NAM 79	CÁM 6A.10	27 500	22 805	4 695	ĐỎ	HỘ LỚN	KDTC: 10.000 - XNKT:13.000 - KVCP:4.500
3		XNK THAN	27/8	2167/8		VIET THUAN OCEAN	CÁM 3B.2	44 000	28 000	16 000	ĐỎ	TD	KVĐB: 44.000
4		ĐIỆN DUYÊN HẢI	27/8	525B/8		VINACOMIN 30-01	CÁM 6A.14	26 600	17 977	8 623	ĐỎ	HỘ LỚN	TTCO: 17.977 TTHG: 9.000 Thay TBRT 525/8
		Tàu đã làm lệnh (chuyển tải)						71 550		71 550			
1		ĐIỆN VINH TÂN 2	20/8	517B/8		HẢI NAM 39	CÁM 6A.14	28 650		28 650		HỘ LỚN	KDTC: 7.000 - XNKT:10.000 - KVCP:11.2650 Thay TBRT Số 517/8
2		ĐIỆN DUYÊN HẢI	3/9	548/9		QUANG VINH 188	CÁM 5B.14	19 600		19 600		HỘ LỚN	KDTC: 19.600
3		ĐIỆN LỰC DẦU KHÍ	3/9	550/9		TRƯỜNG NGUYỄN OCEAN	CÁM 5A.10	23 300		23 300		HỘ LỚN	XNKT: 20.000 KVĐB: 3.300
II		KHO G9-HÓA CHẤT						54 874	6 636	48 238			
		Tàu đã làm hàng						6 216	5 037	1 179			
1		MV COMMO SPIRIT	27/8	4377/8		QNL - TD 12	TNK - NAM PHI	6 216	5 037	1 179	3/9		
		Tàu dự kiến rút trong ngày						2 979	1 599	1 380			
1		TRƯỜNG ANH 888	26/8	2107/8	31/8	HD 2266	CÁM 8A	1 979	991	988	RÓT ĐỎ	TD	NGUỒN CS GIA HẠN LẦN 1
2		KDT CẦU ĐUÔNG	29/8	2187/8	31/8	BN 0937	CỤC XỔ 1B	1 000	608	392	RÓT ĐỎ	TD	NGUỒN TN
		Tàu đã làm lệnh						45 679		45 679			
1		THAN MIỀN TRUNG	1/9	2109/8	8/9	VIỆT TRUNG 69	CÁM 8A	2 000		2 000		TD	NGUỒN ĐN-C6 GIA HẠN LẦN 2
2		TRƯỜNG ANH 888	1/9	2116/8	8/9	AN VINH 68	CÁM 8A	2 150		2 150		TD	NGUỒN ĐN-C6 GIA HẠN LẦN 2
3		VẬN TẢI & KDT	2/9	2033/8	9/9	BN 1336	CỤC XỔ 1A	1 000		1 000		TD	NGUỒN ĐN-C6 GIA HẠN LẦN 3
4		DVVT QUẢNG NINH	1/9	2044/8	8/9	BN 2388	CÁM 8A	1 500		1 500		TD	NGUỒN ĐN-C6 GIA HẠN LẦN 3
5		XNK ANH KHOA	1/9	2150/8	8/9	TIẾN THỊNH 09	CÁM 8A	1 600		1 600		TD	NGUỒN ĐN-C6 GIA HẠN LẦN 2

CÔNG TY KHO VẬN VÀ CẢNG CẨM PHẢ - VINACOMIN

PHÒNG ĐKSX

BÁO CÁO THỐNG KÊ CÁC TÀU LÂM HÀNG KHU VỰC CẨM PHẢ

NGÀY 04 THÁNG 9 NĂM 2026

STT		Khách hàng	Ngày làm TB	Số TB	Ngày hết hạn TB	Tên phương tiện	Loại than	SL làm TB	SL thực rút	SL còn lại	Ngày xong	Mục đích sử dụng	
6		CP VẬN TẢI THỦY	1/9	2074/8	8/9	BN 2222	CẨM 8A	1 672		1 672		TD	NGUỒN ĐN-C6 GIA HẠN LẦN 2
7		CP VẬN TẢI THỦY	1/9	2154/8	8/9	HD 1818	CẨM 8A	1 981		1 981		TD	NGUỒN CS GIA HẠN L1
8		CROMIT CỎ THANH HÓA	2/9	2163/8	9/9	HD 9189	CẨM 8A	2 200		2 200		TD	NGUỒN CS GIA HẠN L1
9		XDCN MỎ	1/9	2162/8	8/9	NB 8530	CẨM 8A	1 200		1 200		TD	NGUỒN CS GIA HẠN L1
10		SX & TM THAN UỐNG BÍ	3/9	2166/8	10/9	BN 1997	CỤC XỎ 1A	550		550		TD	NGUỒN ĐN-C6 GIA HẠN L1
							CỤC XỎ 1B	550		550			
11		THAN MIỀN TRUNG	2/9	2169/8	9/9	TÚ LINH 89	CẨM 8A	1 060		1 060		TD	NGUỒN ĐN-C6 GIA HẠN L1
12		THAN SÔNG HỒNG	2/9	2172/8	9/9	QN 8547	CẨM 8A	996		996		TD	NGUỒN ĐN-C6 GIA HẠN L1
13		VẬN TẢI THỦY	2/9	2206/8	9/9	BN 2267	CỤC XỎ 1B	1 100		1 100		TD	NGUỒN ĐN-C6 GIA HẠN L1
14		VẬN TẢI & KDT	3/9	2204/8	10/9	BN 2936	CẨM 8A	1 931		1 931		TD	NGUỒN ĐN-C6 GIA HẠN L1
15		HÀNG HẢI VN	3/9	2210/8	10/9	BN 1789	CẨM 8A	1 600		1 600		TD	NGUỒN ĐN-C6 Thay TBRT Số 1977/8 GIA HẠN L1
16		THÁI SƠN HP	3/9	2230/9	10/9	BN 1998	CẨM 8A	3 160		3 160		TD	NGUỒN CS Thay TBRT 2215/8
17		XNK VTA	3/9	2219/8	10/9	HD 2095	CẨM 8A	1 988		1 988		TD	NGUỒN ĐN-C6 GIA HẠN L1
18		XNK THAN	31/8	2220/8	31/8	BN 3040	CẨM 8A	1 000		1 000		TD	NGUỒN ĐN-C6
							CẨM 8A	964		964		TD	NGUỒN CS
19		KDT CẦU ĐUÔNG	3/9	2168/8	10/9	BN 2212	CẨM 8A	1 921		1 921		TD	NGUỒN ĐN-C6 Thay TBRT 1943/7 GIA HẠN L1
20		SX & TM THAN UỐNG BÍ	1/9	2224/8	8/9	BN 1718	CẨM 8A	1 300		1 300		TD	NGUỒN ĐN-C6
21		DVVT QUẢNG NINH	1/9	2191/8	8/9	BN 2189	CỤC XỎ 1B	1 100		1 100		TD	NGUỒN ĐN-C6 GIA HẠN L1
22		ĐTTM & DỊCH VỤ	1/9	2181/8	8/9	BN 2646	CỤC ĐON 8C	1 050		1 050		TD	NGUỒN HL GIA HẠN L1
23		THAN SÔNG HỒNG	2/9	2188/8	9/9	BN 1879	CẨM 8A	1 061		1 061		TD	NGUỒN ĐN-C6 GIA HẠN L1
24		VẬN TẢI THỦY	3/9	2195/8	10/9	BN 2840	CẨM 8A	1 800		1 800		TD	NGUỒN ĐN-C6 GIA HẠN L1

CÔNG TY KHO VẬN VÀ CẢNG CẨM PHẢ - VINACOMIN

PHÒNG ĐKSX

BÁO CÁO THỐNG KÊ CÁC TÀU LÀM HÀNG KHU VỰC CẨM PHẢ

NGÀY 04 THÁNG 9 NĂM 2026

STT		Khách hàng	Ngày làm TB	Số TB	Ngày hết hạn TB	Tên phương tiện	Loại than	SL làm TB	SL thực rút	SL còn lại	Ngày xong	Mục đích sử dụng	
25		KDT BẮC TRUNG BỘ	3/9	2182/8	10/9	NB 6489	CẨM 8A	1 000		1 000		TD	NGUỒN ĐN-C6 GIA HẠN L1
26		XNK ANH KHOA	3/9	2091/8	10/9	HP 6563	CẨM 8A	2 200		2 200		TD	NGUỒN CS GIA HẠN L2
27		MẬT TRỜI VIỆT NINH BÌNH	3/9	2193/8	10/9	NB 8595	CẨM 8A	3 045		3 045		TD	NGUỒN ĐN-C6 GIA HẠN L1
28		KDT CẦU ĐUÔNG	3/9	2187/8	10/9	BN 0937	CỤC XỎ 1B	1 000		1 000		TD	NGUỒN TN GIA HẠN L1
III		<u>KHO BẢO NGUYỄN</u>						<u>2 326</u>	-	<u>2 326</u>			
		<i>Tàu đã làm hàng</i>											
		<i>Tàu dự kiến rút trong ngày</i>											
		<i>Tàu đã làm lệnh</i>						2 326		2 326			
1		DIỆN PHẢ LAI	3/9	546/9	13/9	TD 18-1	CẨM 5B.10	2 326		2 326	HỘ LỚN		
IV		<u>KHO CẢNG KM6</u>						<u>13 500</u>	<u>2 376</u>	<u>11 124</u>			
		<i>Tàu đã làm hàng</i>						4 000	556	3 444			
1		XNK THAN	2/9	2225/9	12/9	HOÀNG ANH 68	CẨM 6A.1	4 000	556	3 444	3/9	PTCB	
		<i>Tàu dự kiến rút trong ngày</i>						4 950	1 820	3 130			
1		CROMIT CỎ THANH HÓA	3/9	2229/9	13/9	MẬT TRỜI VIỆT 26	CẨM 5B.1	2 600		2 600		PTCB	
2		THAN MIỀN NAM	3/9	2174/8	10/9	FLJ 777	CỤC XỎ 1B	1 200	1 194	6	RÓT DỖ	TD	NGUỒN QH GIA HẠN L1
							CỤC ĐON 6B	1 150	626	524	RÓT DỖ	TD	
		<i>Tàu đã làm lệnh</i>						4 550		4 550			
1		NHÓM ĐẮK NÔNG	3/9	2232/9	13/9	HOÀNG ANH 45	CẨM 5A.1	1 850		1 850		HỘ LỚN	
							CỤC 4A.2	1 450		1 450			
2		ĐTTM & DỊCH VỤ	3/9	2231/9	10/9	BN 1883	CỤC ĐON 8A	1 250		1 250		TD	NGUỒN QH Thay TBRT 2175/8
V		<u>TÀU XUẤT KHẨU</u>						<u>62 520</u>	<u>28 292</u>	<u>34 228</u>			
		<i>Tàu đã làm hàng</i>						26 820	26 702	118			
1		INDONESIA	17/8	5771		MV LI FA 2	CỤC 5B.2	23 000	22 882	118	3/9		
2		HÀN QUỐC	14/8	5742		MV JIAN RUI 7	CỤC 4A.3	3 820	3 820		3/9		
		<i>Tàu dự kiến rút trong ngày</i>						30 000	1 590	28 410			
1		HÀN QUỐC	17/8	68/8		MV HAI PENG	CỤC 4B.3	5 000	1 590	3 410	DỖ		

BÁO CÁO THỐNG KÊ CÁC TÀU LÀM HÀNG KHU VỰC CẨM PHẢ

NGÀY 04 THÁNG 9 NĂM 2026

[illegible]

